

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ NGHĨA VỤ CHỨNG MINH SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG TRONG HỢP ĐỒNG DÂN SỰ, THƯƠNG MẠI TẠI VIỆT NAM: NHÌN TỪ HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ DI TRÚ QUỐC TẾ

LÊ ĐỨC THẮNG

Công ty TNHH di trú Alexander và Cộng sự

Nhận bài ngày 15/6/2026. Sửa chữa xong 28/7/2026. Duyệt đăng 05/8/2026.

Abstract

This article examines the legal conditions for invoking force majeure and the burden of proving force majeure events in civil and commercial contracts under Vietnamese law. The analysis focuses on Article 156(1) and Article 351(2) of the 2015 Civil Code, Articles 294 and 295 of the 2005 Commercial Law, and the general principles governing the burden of proof in civil proceedings. From the perspective of international migration service contracts, the article demonstrates that Vietnamese service providers generally retain control over advisory services and document preparation, whereas the final outcome of immigration procedures depends on foreign immigration authorities, consular bodies, or the administrative policies of the receiving state. On this basis, the article proposes the standardization of force majeure clauses, evidentiary requirements, notification obligations, and methods for assessing indirect causal relationships in order to improve legal certainty and the consistent application of force majeure rules in contractual disputes.

Keywords: Burden of proof; Covid-19; exemption from civil liability; force majeure; international migration service contract; service contract.

1. Đặt vấn đề

Trong luật hợp đồng, nguyên tắc cơ bản là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực bắt buộc đối với các bên và phải được thực hiện trên cơ sở thiện chí, trung thực. Nguyên tắc này thường được diễn đạt bằng học thuyết *pacta sunt servanda*, nhưng không nên hiểu theo nghĩa tuyệt đối hóa trách nhiệm của bên vi phạm. Pháp luật hiện đại vẫn thừa nhận ngoại lệ khi việc không thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ biến cố khách quan, vượt khỏi khả năng dự liệu và khắc phục của bên có nghĩa vụ¹. Sự kiện bất khả kháng không nhằm hợp thức hóa sự thiếu thiện chí, năng lực quản trị yếu hoặc rủi ro kinh doanh thông thường. Chế định này chỉ bảo vệ bên có nghĩa vụ khi họ thực sự bị đặt vào tình trạng không thể thực hiện nghĩa vụ dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết và trong khả năng cho phép. Theo khoản 1 Điều 156 Bộ luật Dân sự năm 2015, sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Khoản 2 Điều 351 Bộ luật Dân sự năm 2015 xác định bên có nghĩa vụ không phải chịu trách nhiệm dân sự nếu việc không thực hiện đúng nghĩa vụ do sự kiện bất khả kháng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác. Trong quan hệ thương mại, Luật Thương mại năm 2005 ghi nhận bất khả kháng là căn cứ miễn trách nhiệm, nhưng yêu cầu bên vi phạm phải chứng minh trường hợp miễn trách nhiệm và thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia về sự kiện cũng như hậu

1) VIR/VOV (2020) phân tích sự kiện bất khả kháng theo Điều 156 Bộ luật Dân sự năm 2015 và lưu ý sự kiện không tự động miễn trừ nếu không chứng minh đủ điều kiện.

Email: tony.thads@icloud.com

quả có thể xảy ra². Vì vậy, bất khả kháng không phải là “quyền miễn trừ mặc nhiên”, mà là căn cứ miễn trách nhiệm có điều kiện. Vấn đề trở nên phức tạp trong hợp đồng dịch vụ di trú quốc tế. Nhóm hợp đồng này không được điều chỉnh trực tiếp bởi pháp luật quản lý xuất nhập cảnh, cư trú, quốc tịch của Việt Nam, vì các đạo luật đó chủ yếu điều chỉnh thẩm quyền quản lý nhà nước, không thiết lập chế độ riêng cho hợp đồng tư vấn định cư, đầu tư định cư hoặc hỗ trợ thị thực³. Khi tranh chấp phát sinh, quan hệ hợp đồng thường quay về Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005, pháp luật bảo vệ người tiêu dùng và thỏa thuận cụ thể giữa các bên.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở pháp lý của sự kiện bất khả kháng theo pháp luật Việt Nam

2.1.1. Ba điều kiện tích lũy của sự kiện bất khả kháng

Khoản 1 Điều 156 Bộ luật Dân sự năm 2015 đặt ra ba điều kiện tích lũy: khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Ba điều kiện này phải được chứng minh đồng thời. Nếu chỉ có sự kiện khách quan nhưng có thể lường trước tại thời điểm giao kết, hoặc có thể khắc phục bằng biện pháp hợp lý, thì không đủ căn cứ miễn trách nhiệm.

Tính khách quan đòi hỏi sự kiện phát sinh ngoài ý chí và ngoài khả năng kiểm soát của bên có nghĩa vụ. Thiên tai, dịch bệnh nguy hiểm, chiến tranh, bạo loạn hoặc quyết định quản lý nhà nước trong tình huống đặc biệt có thể là ví dụ điển hình. Ngược lại, khó khăn tài chính, thiếu nhân sự, quản trị yếu, không dự phòng nguồn lực hoặc chậm trễ do lỗi tổ chức không thể được coi là khách quan. Trong hợp đồng di trú, việc cơ quan lãnh sự đình hoãn phỏng vấn do dịch bệnh có thể là yếu tố khách quan; nhưng việc công ty không theo dõi thời hạn bổ sung hồ sơ là lỗi quản trị.

Tính không thể lường trước phải được đánh giá tại thời điểm giao kết hợp đồng. Nếu khi ký hợp đồng, rủi ro đã được cảnh báo công khai hoặc chính sách hạn chế đã có hiệu lực, bên viện dẫn khó chứng minh biến cố đó hoàn toàn bất ngờ. Vì vậy, hợp đồng ký trong giai đoạn dịch bệnh hoặc trong thời kỳ cơ quan di trú đã công bố đình hoãn cần có điều khoản phân bổ rủi ro rõ ràng.

Điều kiện không thể khắc phục đòi hỏi bên viện dẫn chứng minh đã nỗ lực hợp lý, liên tục và thiện chí. Doanh nghiệp di trú phải chứng minh đã chuyển phương thức làm việc nếu có thể, liên hệ khách hàng, đề nghị gia hạn, lưu vết thư điện tử, thông báo về tình trạng đóng cửa của cơ quan công quyền và tìm phương án thay thế trong giới hạn pháp luật. Nếu còn biện pháp khả thi nhưng không thực hiện, yêu cầu miễn trách nhiệm sẽ khó được chấp nhận.

2.1.2. Miễn trách nhiệm trong dân sự và thương mại không đồng nghĩa với chấm dứt nghĩa vụ

Một điểm cần phân biệt là khuynh hướng xem bất khả kháng như căn cứ tự động chấm dứt toàn bộ nghĩa vụ. Cách hiểu này không chính xác. Trong nhiều trường hợp, sự kiện bất khả kháng chỉ miễn trách nhiệm bồi thường hoặc phạt vi phạm đối với phần nghĩa vụ không thể thực hiện trong thời gian bị ảnh hưởng, chứ không đương nhiên làm mất hiệu lực hợp đồng. Nếu sự kiện chỉ tạm thời, nghĩa vụ có thể được gia hạn hoặc tiếp tục sau khi trở ngại chấm dứt; nếu mục đích hợp đồng không thể đạt được, các bên có thể áp dụng cơ chế chấm dứt, hủy bỏ hoặc sửa đổi hợp đồng theo thỏa thuận và quy định pháp luật⁴.

Với thông lệ hợp đồng quốc tế, Điều 7.1.7 Bộ nguyên tắc UNIDROIT năm 2016 và Điều 79 Công ước Viên năm 1980 đều đặt trọng tâm vào việc bên vi phạm phải chứng minh trở ngại ngoài tầm kiểm soát,

2) Xem thêm Điều 294, Điều 295 Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được hệ thống tại Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt (2026). *Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng thì có được miễn trách nhiệm vi phạm hợp đồng trong hoạt động thương mại không?*. Thư viện Pháp luật. <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/khi-xay-ra-su-kien-bat-kha-khang-thi-co-duoc-mien-trach-nhiem-vi-pham-hop-dong-trong-hoat-dong-thuoc-821957-38249.html>. Truy cập ngày 25/6/2026

3) Cách xác định này nhằm tránh nhầm lẫn giữa pháp luật quản lý xuất nhập cảnh, cư trú, quốc tịch với pháp luật điều chỉnh hợp đồng dịch vụ tư vấn di trú. Các hợp đồng dịch vụ vẫn chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Thương mại năm 2005 và pháp luật bảo vệ người tiêu dùng khi có đủ điều kiện áp dụng.

4) Quốc hội (2015). *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13*. Điều 351, Điều 360, Điều 422 và Điều 423.

không thể dự liệu và không thể tránh hoặc khắc phục hợp lý⁵⁶. Điểm chung là miễn trách nhiệm chỉ là ngoại lệ có điều kiện, không phải quyền đương nhiên.

2.1.3. Nghĩa vụ thông báo kịp thời

Điều 295 Luật Thương mại năm 2005 quy định bên vi phạm hợp đồng phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên kia về trường hợp được miễn trách nhiệm và những hậu quả có thể xảy ra; khi trường hợp miễn trách nhiệm chấm dứt, cũng phải thông báo ngay cho bên kia biết. Nếu không thông báo hoặc thông báo không kịp thời, bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại phát sinh do việc không thông báo hoặc chậm thông báo (Điều 295).

Nghĩa vụ thông báo không chỉ là thủ tục hình thức. Nó có chức năng giảm thiểu thiệt hại và bảo vệ quyền lựa chọn của bên còn lại. Trong hợp đồng di trú, khi doanh nghiệp biết việc phỏng vấn bị đình hoãn, văn phòng tiếp nhận hồ sơ đóng cửa, cơ quan hợp pháp hóa lãnh sự tạm dừng tiếp nhận, hoặc cơ quan di trú nước ngoài gia hạn thời hạn phản hồi, doanh nghiệp phải thông báo kịp thời cho khách hàng. Thông báo phải nêu sự kiện, phạm vi ảnh hưởng, tài liệu chứng minh, phương án dự kiến, nghĩa vụ hợp tác của khách hàng và thời điểm cập nhật tiếp theo. Nếu doanh nghiệp im lặng hoặc chỉ thông báo chung chung, dù sự kiện gốc có thể là bất khả kháng, doanh nghiệp vẫn có thể phải chịu trách nhiệm đối với thiệt hại tăng thêm do chậm thông tin.

2.2. Gánh nặng chứng minh và mối quan hệ nhân quả

2.2.1. Nguyên tắc “ai yêu cầu, người đó chứng minh”

Trong tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu đó có căn cứ và hợp pháp. Trong tranh chấp hợp đồng, nếu doanh nghiệp dịch vụ di trú viện dẫn bất khả kháng để được miễn trách nhiệm, doanh nghiệp đó phải chứng minh toàn bộ điều kiện áp dụng. Không thể chỉ viện dẫn Covid-19, lệnh phong tỏa hoặc tình trạng đóng cửa lãnh sự như một sự thật hiển nhiên rồi suy ra miễn trách nhiệm.

Hệ thống chứng cứ tối thiểu nên gồm: hợp đồng và điều khoản bất khả kháng; thời điểm giao kết; tiến độ thực hiện trước khi xảy ra sự kiện; văn bản, thông báo chính thức về giãn cách, phong tỏa, tạm dừng tiếp nhận hồ sơ, đình hoãn phỏng vấn; thư điện tử trao đổi với cơ quan nước ngoài hoặc đơn vị tiếp nhận hồ sơ; chứng cứ về việc đã thông báo cho khách hàng; chứng cứ về nỗ lực khắc phục, gia hạn, bổ sung hoặc chuyển phương thức thực hiện; chứng cứ về thiệt hại và phạm vi thiệt hại. Nếu thiếu các tài liệu này, chuỗi chứng minh sẽ bị đứt đoạn.

2.2.2. Quan hệ nhân quả trực tiếp và gián tiếp

Trong tranh chấp bất khả kháng, khó khăn lớn nhất thường không phải là chứng minh sự kiện đã xảy ra, mà là chứng minh mối quan hệ nhân quả giữa sự kiện và việc không thể thực hiện nghĩa vụ. Quan hệ nhân quả trực tiếp xuất hiện khi sự kiện tác động ngay vào đối tượng nghĩa vụ. Ví dụ, hàng hóa đặc định bị tiêu hủy do thiên tai hoặc lệnh cấm xuất khẩu tuyệt đối làm việc giao hàng trở nên bất hợp pháp. Trong các trường hợp này, đường liên hệ giữa sự kiện và hậu quả tương đối rõ.

Đối với hợp đồng dịch vụ di trú, quan hệ nhân quả thường là gián tiếp. Đại dịch Covid-19 không tự nó làm mất hồ sơ, không xóa dữ liệu, không ngăn mọi hình thức tư vấn trực tuyến. Tác động pháp lý thực sự thường nằm ở chuỗi biện pháp trung gian: Chỉ thị 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/3/2020 Về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19 (Chỉ thị 16/CT-TTg) yêu cầu thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 và cách ly xã hội; chính quyền địa phương áp dụng giãn cách; cơ quan công chứng, tư pháp, ngoại vụ, lãnh sự hoặc trung tâm tiếp nhận sinh trắc học tạm dừng dịch vụ; cơ quan di trú nước ngoài kéo dài thời hạn xét duyệt hoặc hoãn phỏng

5) UNIDROIT (2016). *UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts 2016*, Article 7.1.7 (Force majeure): <https://www.unidroit.org/wp-content/uploads/2021/06/Unidroit-Principles-2016-English-bl.pdf>. Truy cập ngày 25/6/2026

6) United Nations (1980). *United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, Article 79. Xem bản văn và bình luận tham khảo tại Pace CISG Database: https://iicl.law.pace.edu/sites/default/files/cisg_files/rimke.html. Truy cập ngày 25/6/2026.

vấn.⁷ Vì vậy, bên viện dẫn phải chứng minh chuỗi nhân quả liên tục: sự kiện gốc dẫn đến biện pháp hành chính; biện pháp hành chính làm gián đoạn một thủ tục bắt buộc; thủ tục đó là điều kiện cần để hoàn thành nghĩa vụ; và bên viện dẫn không có phương án thay thế hợp lý.

2.3. Hợp đồng dịch vụ di trú quốc tế và bài học từ Covid-19

2.3.1. Bản chất pháp lý của hợp đồng dịch vụ di trú

Hợp đồng dịch vụ di trú quốc tế tại Việt Nam thường có tên gọi khác nhau: hợp đồng tư vấn định cư, tư vấn đầu tư định cư, hỗ trợ hồ sơ thị thực hoặc tư vấn du học - định cư. Dù tên gọi khác nhau, điểm chung là doanh nghiệp dịch vụ thực hiện chuỗi công việc hỗ trợ khách hàng chuẩn bị và theo đuổi hồ sơ trước cơ quan nước ngoài.

Cần phân biệt hai loại nghĩa vụ. Thứ nhất là nghĩa vụ về hành vi: tư vấn đúng, kiểm tra hồ sơ, hướng dẫn khách hàng, dịch thuật, công chứng, hợp pháp hóa, đặt lịch, nộp hồ sơ, theo dõi và thông báo. Đây là phần doanh nghiệp có thể kiểm soát tương đối. Thứ hai là nghĩa vụ về kết quả: được cấp visa, được chấp thuận hồ sơ, được nhập cảnh hoặc định cư. Phần này thuộc thẩm quyền của cơ quan nước ngoài và không nên mặc nhiên coi là cam kết bảo đảm của doanh nghiệp, trừ khi hợp đồng có điều khoản bảo đảm kết quả rõ ràng và hợp pháp.

Vì vậy, khi đánh giá bất khả kháng, phải xác định sự kiện tác động vào nghĩa vụ nào. Nếu doanh nghiệp vẫn có thể tư vấn, cập nhật thông tin và chuẩn bị hồ sơ nhưng không làm, không thể viện dẫn bất khả kháng. Ngược lại, nếu doanh nghiệp đã hoàn thành phần việc trong khả năng nhưng thủ tục bắt buộc tại cơ quan công quyền hoặc cơ quan nước ngoài bị đình hoãn, việc chậm kết quả có thể không thuộc lỗi của doanh nghiệp.

2.3.2. Covid-19 và chuỗi gián đoạn hành chính

Đại dịch Covid-19 là ví dụ điển hình về biến cố khách quan nhưng không tự động tạo ra miễn trách nhiệm. Tại Việt Nam, Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 yêu cầu cách ly xã hội, hạn chế di chuyển, hạn chế tập trung và áp dụng các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch.⁸ Nhiều địa phương sau đó áp dụng các biện pháp giãn cách ở mức độ khác nhau. Các thủ tục cần sự hiện diện vật lý như công chứng, chứng thực, hợp pháp hóa lãnh sự, lấy sinh trắc học, phỏng vấn hoặc gửi bản gốc vì vậy có thể bị gián đoạn.

Ở nước ngoài, nhiều cơ quan di trú và lãnh sự cũng thay đổi phương thức vận hành. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ từng đình chỉ dịch vụ thị thực thông thường tại nhiều đại sứ quán, lãnh sự quán trong giai đoạn đầu đại dịch; Cơ quan Di trú và Nhập tịch Hoa Kỳ (USCIS) nhiều lần áp dụng chính sách linh hoạt thời hạn phản hồi, trong đó có việc chấp nhận phản hồi trong thời hạn bổ sung 60 ngày đối với một số yêu cầu, thông báo hoặc quyết định thuộc phạm vi chính sách Covid-19.⁹

Tuy nhiên, không thể suy luận rằng mọi hồ sơ bị chậm trong giai đoạn Covid-19 đều do bất khả kháng. Cần xem xét hợp đồng được ký trước hay sau khi rủi ro đã được biết, hồ sơ đang ở giai đoạn nào, việc chậm nằm ở khâu tư vấn nội bộ, khâu khách hàng cung cấp tài liệu, khâu cơ quan Việt Nam chứng thực/hợp pháp hóa hay khâu cơ quan nước ngoài xét duyệt. Doanh nghiệp cũng phải chứng minh đã thông báo, yêu cầu gia hạn và thực hiện các biện pháp khắc phục hợp lý.

2.3.3. Xung đột giữa bảo vệ người tiêu dùng và bảo vệ bên cung cấp dịch vụ thiện chí

Trong hợp đồng dịch vụ di trú, khách hàng cá nhân thường ở vị thế yếu hơn về thông tin, ngôn ngữ và khả năng hiểu chính sách nước ngoài. Do đó, việc bảo vệ khách hàng là cần thiết. Tuy nhiên, bảo vệ người tiêu dùng không đồng nghĩa với việc biến doanh nghiệp dịch vụ thành bên bảo đảm tuyệt đối

7) Văn phòng Chính phủ (2020). Công văn số 2601/VPCP-KGVX hướng dẫn thực hiện Chỉ thị 16/CT-TTg, nêu yêu cầu hiểu và thực hiện thống nhất các biện pháp cách ly xã hội. https://sbv.hanoi.gov.vn/chi-tiet-tim-kiem/-/view_content/3616675-van-phong-chinh-phu-huong-dan-thuc-hien-chi-thi-16-ct-ttg-ve-cach-ly-xa-hoi.html. Truy cập ngày 25/6/2026.

8) Thủ tướng Chính phủ (2020). *Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19*. Công thông tin văn bản Chính phủ: <https://vanban.chinhphu.vn/?docid=199607&pageid=27160>. Truy cập ngày 25/6/2026

9) USCIS (2021), *USCIS Extends Flexibility for Responding to Agency Requests*, thông báo việc xem xét phản hồi trong thời hạn bổ sung 60 ngày đối với một số yêu cầu, thông báo hoặc quyết định thuộc phạm vi chính sách Covid-19: <https://www.uscis.gov/archive/uscis-extends-flexibility-for-responding-to-agency-requests-7>, truy cập ngày 25/6/2026

cho mọi kết quả di trú. Nếu doanh nghiệp đã minh bạch về phạm vi dịch vụ, không cam kết chắc chắn kết quả, đã thực hiện đầy đủ phần việc chuyên môn và đã thông báo kịp thời về trở ngại khách quan, việc buộc doanh nghiệp bồi thường toàn bộ chỉ vì kết quả hồ sơ không đạt có thể làm sai lệch bản chất hợp đồng dịch vụ.

Ngược lại, doanh nghiệp không thể dùng tính phức tạp của pháp luật nước ngoài để loại trừ trách nhiệm. Nếu hợp đồng quảng cáo hoặc tư vấn theo hướng “cam kết đầu”, “bảo đảm định cư”, “hoàn tiền vô điều kiện” nhưng sau đó lại viện dẫn thẩm quyền nước ngoài để thoái thác, doanh nghiệp vẫn phải chịu trách nhiệm theo nội dung cam kết và theo nguyên tắc cung cấp thông tin trung thực. Do đó, tiêu chí cân bằng là: bảo vệ khách hàng khỏi thông tin sai lệch, điều khoản bất công và chậm thông báo; đồng thời bảo vệ doanh nghiệp thiện chí khỏi trách nhiệm đối với những kết quả nằm ngoài phạm vi kiểm soát hợp lý của họ.

2.4. Bất cập và kiến nghị hoàn thiện

2.4.1. Bất cập

Thứ nhất, pháp luật hiện hành chưa có hướng dẫn đủ cụ thể về tiêu chuẩn chứng cứ khi viện dẫn bất khả kháng. Bộ luật Dân sự đưa ra khái niệm chung, Luật Thương mại quy định nghĩa vụ chứng minh và thông báo, nhưng chưa có hướng dẫn về bộ chứng cứ tối thiểu, cách đánh giá nỗ lực khắc phục, hoặc cách chứng minh chuỗi nhân quả gián tiếp trong hợp đồng dịch vụ có yếu tố xuyên biên giới. Vì vậy, cùng một sự kiện như Covid-19 có thể được đánh giá rất khác nhau tùy từng hợp đồng, từng hội đồng xét xử hoặc trọng tài.

Thứ hai, hợp đồng dịch vụ di trú thiếu chuẩn hóa. Nhiều hợp đồng không phân biệt nghĩa vụ về hành vi và nghĩa vụ về kết quả; không liệt kê thủ tục phụ thuộc cơ quan công quyền; không xác định rõ thời hạn nào là thời hạn dự kiến, thời hạn nào là cam kết; không có điều khoản cập nhật khi chính sách nước ngoài thay đổi; không có quy trình thông báo khi phát sinh bất khả kháng. Chính sự mơ hồ này làm tăng rủi ro tranh chấp.

Thứ ba, thiếu cơ chế đánh giá pháp luật và chính sách nước ngoài trong tố tụng. Khi tranh chấp liên quan đến quyết định của cơ quan di trú nước ngoài, Tòa án Việt Nam cần xem xét tài liệu nước ngoài, thông báo lãnh sự, chính sách gia hạn, quy định về phỏng vấn hoặc yêu cầu bổ sung chứng cứ. Nếu không có cơ chế dịch thuật, hợp pháp hóa, thẩm định và đánh giá phù hợp, việc xác định lỗi của doanh nghiệp Việt Nam sẽ thiếu nền tảng thực chứng.

2.4.2. Kiến nghị

Thứ nhất, cần có hướng dẫn áp dụng thống nhất về chứng minh bất khả kháng trong hợp đồng dân sự, thương mại. Hướng dẫn này nên làm rõ bốn nhóm chứng cứ: chứng cứ về sự kiện; thời điểm giao kết và khả năng dự liệu; nỗ lực khắc phục; quan hệ nhân quả giữa sự kiện và nghĩa vụ cụ thể. Với quan hệ nhân quả gián tiếp, bên viện dẫn cần trình bày sơ đồ chuỗi sự kiện kèm tài liệu chứng minh từng mắt xích.

Thứ hai, hợp đồng dịch vụ di trú cần chuẩn hóa điều khoản bất khả kháng. Điều khoản không nên chỉ liệt kê “thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh”, mà cần dự liệu các trường hợp phù hợp với ngành di trú như đóng cửa cơ quan lãnh sự, trung tâm tiếp nhận hồ sơ, cơ quan hợp pháp hóa lãnh sự, cơ quan di trú nước ngoài; thay đổi chính sách nhập cư ngoài khả năng dự liệu; đình hoãn phỏng vấn; kéo dài thời hạn xét duyệt do cơ quan có thẩm quyền.

Thứ ba, cần phân biệt nghĩa vụ về hành vi và nghĩa vụ về kết quả. Nếu doanh nghiệp chỉ tư vấn và hỗ trợ hồ sơ, hợp đồng phải ghi rõ kết quả xét duyệt thuộc thẩm quyền cơ quan nước ngoài. Nếu doanh nghiệp cam kết hoàn tiền, cam kết kết quả hoặc cam kết thời hạn, cam kết đó phải minh bạch, có điều kiện áp dụng, có loại trừ hợp lý và không gây hiểu lầm.

Thứ tư, doanh nghiệp cần lập hồ sơ chứng cứ ngay từ khi thực hiện hợp đồng: nhật ký xử lý, danh mục tài liệu khách hàng cung cấp, thời điểm nộp hồ sơ, thông báo từ cơ quan tiếp nhận, trao đổi với khách hàng, yêu cầu bổ sung, bằng chứng về trở ngại khách quan và phương án khắc phục.

Thứ năm, cơ quan tài phán cần tránh hai cực đoan: chấp nhận bất khả kháng quá dễ chỉ vì có Covid-19, hoặc bác bỏ một cách cơ giới chỉ vì doanh nghiệp vẫn có thể làm việc trực tuyến. Cần xem xét nghĩa vụ cụ thể nào bị cản trở, có phương án thay thế hay không, và bên viện dẫn đã hành động thiện chí, kịp thời, minh bạch đến mức nào.

3. Kết luận

Sự kiện bất khả kháng là chế định cần thiết của luật hợp đồng, nhưng chỉ có ý nghĩa khi được áp dụng chặt chẽ. Theo pháp luật Việt Nam, sự kiện bất khả kháng đòi hỏi đồng thời ba điều kiện: khách quan, không thể lường trước và không thể khắc phục dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Bên viện dẫn còn phải chứng minh quan hệ nhân quả và thực hiện nghĩa vụ thông báo kịp thời. Do đó, không thể xem bất khả kháng là căn cứ miễn trách nhiệm tự động.

Đối với hợp đồng dịch vụ di trú quốc tế, khó khăn lớn nhất nằm ở việc chứng minh chuỗi nhân quả gián tiếp. Dịch bệnh hoặc phong tỏa chỉ là điểm khởi đầu; điều quyết định là sự kiện đó đã làm gián đoạn thủ tục bắt buộc nào, thuộc phạm vi kiểm soát của ai, có phương án thay thế hay không, và doanh nghiệp đã nỗ lực hợp lý hay chưa. Vì vậy, hướng hoàn thiện cần tập trung vào chuẩn hóa hợp đồng, chuẩn hóa chứng cứ và chuẩn hóa phương pháp đánh giá quan hệ nhân quả. Khi các bên xác định rõ phạm vi nghĩa vụ, quy trình thông báo, bộ chứng cứ và hậu quả pháp lý của sự kiện bất khả kháng, thị trường dịch vụ di trú quốc tế tại Việt Nam sẽ minh bạch và ổn định hơn.

Tài liệu tham khảo

Nguyễn Hoàng Tuấn Kiệt (2026). Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng thì có được miễn trách nhiệm vi phạm hợp đồng trong hoạt động thương mại không? *Thư viện Pháp luật*. <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/khi-xay-ra-su-kien-bat-kha-khang-thi-co-duoc-mien-trach-nhiem-vi-pham-hop-dong-trong-hoat-dong-thuoc-821957-38249.html>. Truy cập ngày 25 tháng 6 năm 2026.

Quốc hội (2005). *Luật Thương mại số 36/2005/QH11*.

Quốc hội (2015a). *Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13*.

Quốc hội (2015b). *Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13*.

Thủ tướng Chính phủ. (2020). *Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19*.

United Nations (1980). *United Nations Convention on Contracts for the International Sale of Goods*, art. 79.

United States Citizenship and Immigration Services (2021). *USCIS extends flexibility for responding to agency requests*. <https://www.uscis.gov/archive/uscis-extends-flexibility-for-responding-to-agency-requests-7>. Truy cập ngày 25 tháng 6 năm 2026.

International Institute for the Unification of Private Law (2016). *UNIDROIT Principles of International Commercial Contracts 2016*.

Vietnam Chamber of Commerce and Industry (2020). *Heeding the implications of force majeure in Vietnam*. <https://en.vcci.com.vn/economic-news/heeding-the-implications-of-force-majeure-in-vietnam-53371>. Truy cập ngày 25/6/2026.

VIR/VOV (2020). *Heeding the implications of force majeure in Vietnam*. *Vietnam Chamber of Commerce and Industry*. <https://en.vcci.com.vn/economic-news/heeding-the-implications-of-force-majeure-in-vietnam-53371>. Truy cập ngày 25 tháng 6 năm 2026).